

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/DS-ST
Ngày: 16 – 11 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Châu Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2020/TLST -DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 173/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964; cư trú tại Ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

2. Bị đơn: Bà Lý Ánh T2, sinh năm 1967; nơi đăng ký hộ thường trú tại ấp A, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Trước đây, do thường xuyên đi chùa nên bà quen biết bà Lý Ánh T2.

Ngày 11/11/2019 âm lịch (ngày 06/12/2019 dương lịch), bà T2 vay của bà số tiền 5.000.000 đồng, loại vay không kỳ hạn; lãi suất thỏa thuận 500.000 đồng/tháng (10%/tháng) bằng giấy viết tay do bà T2 viết và ký tên. Thực hiện hợp đồng, bà T2 trả lãi được 02 tháng số tiền 1.000.000 đồng thì ngưng trả.

Trong năm 2020, bà T2 thỏa thuận với bà cùng hùn tiền tham gia góp hội tháng, loại có lãi và trả hoa hồng do chị Võ Thị H (địa chỉ Ấp 5, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Gồm 22 phần, hội khui ngày 10/02/2020 âm lịch (ngày 03/3/2020 dương lịch), hội mãn ngày 10/10/2021 âm lịch (ngày 14/11/2021 dương lịch), số tiền góp 2.000.000 đồng/phần, hoa hồng đầu thảo số tiền 400.000 đồng. Bà tham gia riêng 01 phần; bà và bà T2 tham gia chung 01 phần (số tiền góp 1.000.000 đồng/người). Tại kỳ khui hội thứ ba vào ngày 10/4/2020 âm lịch (ngày 02/5/2020 dương lịch), bà T2 và bà thống nhất kêu hội số tiền 810.000 đồng. Khấu trừ hoa hồng đầu thảo, hốt được số tiền 22.210.000 đồng, mỗi người nhận số tiền 11.105.000 đồng. Sau đó, bà T2 có đưa cho bà số tiền 2.000.000 đồng góp 02 kỳ hội chết thì ngưng góp hội chết các kỳ hội tiếp theo.

Dây hội thứ hai: Gồm 17 phần, hội khui ngày 15/5/2020 âm lịch (ngày 05/7/2020 dương lịch), hội mãn ngày 15/9/2021 âm lịch (ngày 20/10/2021 dương lịch), số tiền góp 3.000.000 đồng/phần, hoa hồng đầu thảo số tiền 600.000 đồng. Bà và bà T2 tham gia chung 01 phần, số tiền góp 1.500.000 đồng/người. Tại kỳ khui hội thứ hai vào ngày 15/6/2020 âm lịch (ngày 04/8/2020 dương lịch), bà T2 và bà thống nhất kêu hội số tiền 1.250.000 đồng. Khấu trừ hoa hồng đầu thảo, ngày 20/6/2020 âm lịch (ngày 09/8/2020 dương lịch) hốt được số tiền 25.650.000 đồng, mỗi người nhận số tiền 12.825.000 đồng. Trong lúc lĩnh hội, bà T2 hỏi mượn tiền để xoay sở hứa đến ngày 20/7/2020 âm lịch (ngày 07/9/2020 dương lịch) sẽ trả nên bà đồng ý cho bà T2 mượn số tiền 12.000.000 đồng bằng giấy viết tay do bà T2 viết và ký tên. Bà T2 không đưa tiền cho bà góp hội chết các kỳ hội tiếp theo.

Do hai dây hội chưa mãn nên bà chưa tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bà T2 vi phạm nghĩa vụ trả tiền mượn, trả lãi tiền vay kéo dài. Bà nhiều lần đòi bà T2 trả tiền mượn, tiền vốn và lãi vốn vay nhưng bà T2 khác hẹn không trả.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T2 có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 17.000.000 đồng bao gồm 12.000.000 đồng tiền mượn và 5.000.000 đồng tiền vốn vay. Đồng ý tính lại tiền lãi phải trả theo mức lãi suất 20%/năm, từ ngày 06/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, trường hợp tiền lãi đã trả cao hơn tiền lãi phải trả thì khấu trừ chênh lệch vào trong tiền vốn, trường hợp tiền lãi phải trả cao hơn tiền lãi đã trả thì chỉ yêu cầu trả vốn. Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Lý Ánh T2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp đòi lại tài sản không phải tranh chấp hợp đồng góp hội như đã thụ lý; thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, quyền sở hữu tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T2 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ vay tài sản số tiền 5.000.000 đồng, loại vay không kỳ hạn, lãi suất 10%/tháng theo Giấy vay tiền viết tay ngày 11/11/2019 âm lịch (ngày 06/12/2019 dương lịch) và quan hệ mượn tài sản số tiền 12.000.000 đồng theo Giấy mượn nợ tiền viết tay ngày 20/6/2020 âm lịch (ngày 09/8/2020 dương lịch) giữa bà T1 với bà T2 (BL: 27 - 28) là đúng quy định tại các điều 117, 119, 463, 464 Bộ luật Dân sự về điều kiện năng lực chủ thể, ý chí, mục đích, hình thức của giao dịch dân sự và chuyển giao quyền sở hữu tài sản vay mượn nhưng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự về lãi suất vay.

[2] Xét ý kiến của bà T1 đồng ý tính lại tiền lãi phải trả phát sinh trên số tiền vốn 5.000.000 đồng theo mức lãi suất 20%/năm, từ ngày 06/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và khấu trừ vào trong số tiền lãi đã trả và tiền vốn; trường hợp tiền lãi phải trả cao hơn tiền lãi đã trả thì chỉ trả vốn là phù hợp quy định của pháp luật và có lợi cho bà T2. Thời gian từ ngày 06/12/2019 đến ngày 16/11/2021 (xét xử sơ thẩm) là 1,94 năm, số tiền lãi phải trả là 1.940.000 đồng (5.000.000 đồng x 20%/năm x 1,94 năm) cao hơn số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng. Nên ghi nhận ý kiến của bà T1 chỉ yêu cầu bà T2 trả vốn vay số tiền 5.000.000 đồng.

[3] Xét trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà T2 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Nên Tòa án không có cơ sở để xem xét, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho bà T2 trong vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự, Tòa án giải quyết bà T2 có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền 17.000.000 đồng; kể từ ngày bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 17.000.000 đồng thì bà T2 còn phải chịu

lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các đoạn [1], [2] “Về tố tụng” và các đoạn [1], [2], [3] “Về nội dung” Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thảo giải quyết theo hướng đã nhận định nêu trên.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Xét yêu cầu khởi kiện của bà T1 được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án giải quyết:

[1] Bà T2 phải chịu án phí số tiền 850.000 đồng.

[2] Hoàn trả lại cho bà T1 được nhận lại số tiền 425.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 166, Điều 357, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1:

1.1. Buộc bà Lý Ánh T2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án bà Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng thì người phải thi hành án bà Lý Ánh T2 còn phải trả lãi chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Lý Ánh T2 phải nộp án phí số tiền 850.000 (Tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 được nhận lại số tiền 425.000 (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số No 0010745 ngày 14 tháng 12 năm 2020.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Nguyễn Thị T1, vắng mặt bà Lý Ánh T2. Báo cho bà T1 có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà T2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân